

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 2/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cống Liên Mạc	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 72%, gió ĐB 11 km/h. Nước đang vào, dòng chảy rì. Cổng Liên Mạc 1 và 2 đều mở thông	Nước màu xanh lục.	8.34	22.9	7.17	0.1	0.622	0.502	161	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
2	2	Cầu Diễn - Từ Liêm	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 66%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy nhanh về hạ lưu. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.64	32.3	1.34	0.2	28.749	0.637	337	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
3	3	Đập Hà Đông	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 67%, gió ĐDB 14 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở. Dưới sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.52	30.7	0.01	0.4	99.456	0.918	545	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
4	4	Cầu Tó	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 16 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Dưới sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.55	28.8	0.01	0.4	132.090	1.157	541	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
5	5	Cầu Xém	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 16 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp.	Nước màu đen.	7.26	40.6	0.02	0.4	52.758	1.782	507	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
6	6	Đập Đồng Quan	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 16 km/h. Dòng chảy rỉ về hạ lưu, mực nước thấp, đập mở thông.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.66	37.8	0.01	0.4	45.066	0.365	555	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
7	7	Cầu Thần	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 65%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy rì về hạ lưu.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.59	46.4	0.01	0.4	48.951	0.317	514	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
8	8	Đập Nhật Tựu	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 65%, gió Bắc 11 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy. Thượng lưu đập dồn ứ nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.6	21.8	2.52	0.3	39.627	0.254	479	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
9	9	Cống Lương CỎ	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 66%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy rỉ về hạ lưu, mực nước thấp.	Nước màu xanh lục.	7.63	24.7	4.23	0.4	4.429	0.614	531	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
10	10	Cầu Vân - Phủ Lý	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 66%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy chậm nhập lưu vào sông Đáy.	Nước màu xanh lục.	7.59	21.5	5.17	0.3	2.269	1.800	453	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
11	11	Sông Đăm	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 72%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy nhanh. Phân biệt rõ 2 màu (nâu đục – xanh lục) tại điểm nhập lưu vào sông Nhuệ. Dòng chảy chậm trên dòng chính sông Nhuệ về hạ lưu.	Nước màu nâu đục.	7.68	50.4	5.2	0.2	0.420	1.775	290	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Sông Cầu Ngà	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 67%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp. Mặt nước nổi bọt.	Nước màu đen, mùi thối.	6.81	110.7	1.04	0.4	2.922	0.419	546	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												hệ thống thủy lợi.
13	13	Đập Thanh Liệt	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 16 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.63	30.9	0.01	0.7	303.030	1.751	938	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.
14	14	Kênh Xuân La	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 72%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu.	Nước màu xanh đen, mùi hôi thối.	7.72	32.6	0.01	0.5	31.080	0.680	664	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý các nguồn gây ô

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.
15	15	Kênh Phú Đô	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 66%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp.	Nước màu xám đục.	7.5	57.6	0.16	0.6	71.484	0.691	792	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.
16	16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 67%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp, cống mở.	Nước màu xám đục.	7.64	90.2	0.01	0.7	100.233	1.343	878	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.
17	17	Cầu Am – Vạn Phúc	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 67%, gió ĐB 11 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp. Dưới kênh có nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.71	43.9	0.02	0.7	287.490	1.082	924	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.
18	18	Kênh La Khê	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 67%, gió ĐB 11 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Mặt nước nổi bọt.	Nước màu đen.	7.2	70.6	0.03	0.6	63.714	0.236	877	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												động, thực vật thủy sinh. Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.
19	19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 16 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Hai bên bờ kênh nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.63	55.9	2.38	0.4	10.101	0.529	557	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh. Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào.
20	20	Kênh Duy Tiên	Trời lạnh, t° = 15°C, độ ẩm 65%, gió Bắc 11 km/h. Dòng chảy rì nhập lưu vào sông Nhuệ. Hai bên bờ kênh nhiều rác thải. Dưới kênh có	Nước màu xanh lục.	7.83	15.7	4.12	0.4	3.652	0.443	562	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
			các bề rau muống của người dân.									<p>kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Tháo nước trong hệ thống chuẩn bị đón nước sông Hồng vào, tăng cường tận dụng triều lấy nước từ Cổng Tác giang vào.</p>
21	21	Kênh Yên Xá – Thanh Trì	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 64%, gió ĐĐB 14 km/h. Dòng chảy rỉ nhập lưu vào sông Nhuệ, cống mở, mực nước thấp.	Nước màu đen đục.	8.13	110.8	0.03	0.7	365.190	1.472	926	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
22	22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 16 km/h. Dòng chảy rỉ ra sông Nhuệ. Dưới sông nhiều bèo và rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.15	20.7	4.96	0.2	0.591	2.363	352	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy lợi.</p>
23	23	Kênh Hòa Bình (Thanh Trì)	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 65%, gió ĐDB 16 km/h. Công đóng, không có dòng chảy. Trạm bơm không hoạt động.	Nước màu xanh lục.	7.72	12	4.4	0.4	1.321	0.700	503	<p>Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p> <p>Xử lý các nguồn gây ô nhiễm trước khi thải xuống hệ thống thủy</p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	
					6 – 8.5		6		0.3	2	
					6 – 8.5		5		0.3	5	
					5.5 – 9		4		0.9	10	
					5.5 – 9		2		0.9	15	
											lợi.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.